

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN LÊ CHÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 10-11-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Ông Vũ Khắc Tân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 842/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 882/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị Thu T; nơi cư trú: Số 27/67 ngõ G, đường C, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Trịnh Quang D; nơi cư trú: Số 27/67 ngõ G, đường C, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ dân sự xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Trịnh Quang D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, đám cưới tổ chức theo phong tục Việt Nam. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận L, thành phố Hải Phòng ngày

03/5/2007. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm và anh D chơi bời cờ bạc đến nợ nần, không quan tâm đến gia đình vợ con dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát đánh cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 05 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là Trịnh Tuấn P, sinh ngày 02/10/200X và Trịnh Gia H, sinh ngày 30/11/201Y. Ly hôn chị đề nghị được nuôi ai con vì từ khi ly thân hai con vẫn ở cùng chị và hai cháu đều có nguyện vọng ở với chị. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Quang D vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có bản tự khai thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh Trịnh Quang D cũng như tổng đạt các văn bản của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Dũng nhưng tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải anh Dũng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà, chị Trần Thị Thu T giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Quang D.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu T được ly hôn anh Trịnh Quang D. Về việc nuôi con: Giao hai con chung là Trịnh Tuấn P, sinh ngày 02/10/200X và Trịnh Gia H, sinh ngày 30/11/201Y cho T nuôi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về việc chia tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Trịnh Quang D cư trú trên địa bàn quận Lê Chân nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 07 tháng 10 năm 2020, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 842/2020/QĐXXST-HNGĐ và đã tổng đạt hợp lệ quyết định trên cho anh D nhưng tại phiên toà ngày 23/10/2020 anh D vắng mặt lần thứ nhất, không có lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên toà số 882/2020/QĐST-HNGĐ trong đó ấn định phiên toà được mở lại vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 10/11/2020. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên toà cho anh D. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trịnh Quang D tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Trần Thị Thu T và anh Trịnh Quang D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 03/5/2007. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh D là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 05 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt. Tòa án đã tiến hành hoà giải 02 lần nhưng anh D đều vắng mặt thể hiện không thiện chí kết hợp với Tòa án để hoà giải việc đoàn tụ gia đình.

[4] Qua xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn chính là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng. Quan điểm của gia đình, địa phương xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh D. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trang đối với anh D.

+ Về việc nuôi con:

[5] Chị Trần Thị Thu T và anh Trịnh Quang D có hai con chung là Trịnh Tuấn P, sinh ngày 02/10/200X và Trịnh Gia H, sinh ngày 30/11/201Y. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi hai con vì từ khi anh chị sống ly thân hai con đều ở cùng với

chị cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy chị T có công việc, thu nhập ổn định, đủ để đảm bảo cuộc sống ổn định về kinh tế, từ khi anh chị sống ly thân con vẫn ở cùng với chị và hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị nên để chị T nuôi con sẽ đảm bảo quyền lợi của con. Do vậy, cần áp dụng các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao hai con chung Trịnh Tuấn P và Trịnh Gia H cho chị T nuôi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

+ Về việc chia tài sản:

[6] Chị Trần Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí:

[7] Chị Trần Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu T được ly hôn anh Trịnh Quang D.

- Về việc nuôi con: Giao hai con chung Trịnh Tuấn P, sinh ngày 02/10/200X và Trịnh Gia H, sinh ngày 30/11/201Y cho chị Trần Thị Thu T trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về việc chia tài sản: Chị Trần Thị Thu T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Thu T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0013943 ngày 04/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị Thu T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Trần Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trịnh Quang D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 03/5/2007);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Hương**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Hương**

































































